

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025)
LỚP K16A-D4B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :		5	5	5	3			
				Số thứ tự :		(1)	(2)	(3)	(4)			
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011035	Đỗ Thị	Năng	27/02/2004	8.1	8.1	7.7	7.4	7.9	Khá		
2	16011038	Lê Thảo	Ngọc	30/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
3	16011040	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	04/09/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
4	16011041	Vũ Thị	Nhi	13/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
5	16011032	Vì Thị	Oánh	25/06/2004	8.4	8.3	7.5	7.6	8.0	Giỏi		
6	16011034	Đại Bá	Phú	01/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
7	16011027	Hoàng Tú	Phương	26/07/2004	7.8	7.7	6.6	7.3	7.4	Khá		
8	16011025	Khoàng Đại	Quang	02/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
9	16011020	Lê Thị Diễm	Quỳnh	24/01/2004	7.7	7.7	7.0	7.5	7.5	Khá		
10	16011035	Lê Xuân	Sơn	04/07/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
11	16011040	Nguyễn Hồng	Sơn	05/03/1999	8.7	8.1	7.5	7.7	8.0	Giỏi		
12	16011033	Pờ Ha	Sử	14/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
13	16011031	Nguyễn Thị	Thanh	27/02/2004	8.6	8.5	7.5	7.6	8.1	Giỏi		
14	16011033	Nguyễn Văn Minh	Thanh	31/12/1997	8.6	7.8	8.2	7.3	8.1	Giỏi		
15	16011034	Đặng Thị	Thiên	10/08/2004	7.5	8.2	7.0	7.3	7.5	Khá		
16	16011029	Nguyễn Ngọc	Thương	11/01/2004	8.0	7.9	6.8	7.5	7.6	Khá		
17	16011031	Khiếu Thị	Thúy	21/03/2004	8.1	3.0	7.4	7.6	6.4	T.bình khá		1=25.0%(2:0)
18	16011021	Nguyễn Văn	Trà	25/06/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
19	16011027	Xa Thị Thuý	Trang	06/11/2004	3.6	7.5	6.8	6.6	6.1	T.bình khá		1=25.0%

				Số Đvht :	5	5	5	3				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011040	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	18/04/2003	7.8	8.0	6.8	7.4	7.5	Khá		
21	16011006	Dương Nam	Trường	27/08/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
22	16011022	Bùi Anh	Tuấn	25/11/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
23	16011040	Lê Chí	Tuấn	26/10/2003	7.8	7.5	6.6	7.2	7.3	Khá		
24	16011032	Nguyễn Thị	Tuyết	20/06/2004	7.8	8.1	7.2	7.5	7.7	Khá		
25	16011020	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	14/11/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
26	16011034	Nguyễn Khánh	Vân	30/08/2004	8.5	8.2	8.1	7.8	8.2	Giỏi		
27	16011032	Tạ Thị Hà	Vi	05/11/2004	8.2	8.1	7.2	7.1	7.7	Khá		
28	16011036	Nguyễn Đức	Việt	01/03/2004	4.2	0.0	2.6	6.8	3.0	Yếu		3=75.0%(2:0)
29	16011027	Nguyễn Huy	Vũ	16/06/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
30	16011038	Nguyễn Mạnh Hoàng	Tùng	18/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 5 (16.7%), Khá: 9 (30.0%), T.bình khá: 2 (6.7%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 14 (46.7%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) BC: BẢO CHẾ

(2) TCQLD - PCD: TCQL DƯỠC VÀ PC DƯỠC (3) DLLS: DƯỠC LÝ LÂM SÀNG

(4) QLTT-ĐBCLT: QL TỒN TRỮ VÀ ĐBCLT